TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 857/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2026
"V*/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HÀ NỘI.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thị Việt Anh**

Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Kim Dung**

Ông **Nguyễn Văn Lương**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Hồng Thúy – *Thư ký Tòa án.***

Đại diện VKSND Khu vực 3, TP Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông ***Nguyễn Văn C*** *– Kiểm sát viên.*

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 857/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 389/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc *"Xin ly hôn"* giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Đặng Ngọc S** – sinh năm 1982

CCCD số 036082007248 cấp ngày 24/7/2021

HKTT: tổ 2 Bằng A, phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội.

Chỗ ở: số 18 ngách 20/6 Bằng Liệt, phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội.

(Ông Đặng Ngọc S có mặt)

- Bị đơn: Bà **Bùi Thị V** – sinh năm 1986

CCCD số 024186001208 cấp ngày 24/7/2021

HKTT: tổ 2 Bằng A, phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội.

Chỗ ở: số 17 ngách 20/6 Bằng Liệt, phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội.

(Bà Bùi Thị V vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác, nguyên đơn ông Đặng Ngọc S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Bùi Thị V tìm hiểu và kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Nay là xã N, tỉnh Ninh Bình). Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 09/02/2011. Đây là lần kết hôn thứ nhất của tôi.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên đến khoảng 01 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm và cách nhìn nhận cuộc sống nên tình cảm ngày càng phai nhạt và vợ chồng cãi vã. Mâu thuẫn của vợ chồng tôi đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thể hàn gắn.

Tháng 01 năm 2025 tôi đã nộp đơn xin ly hôn với bà V tại Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội nhưng sau đó tôi rút đơn đề vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Từ khi nộp đơn ly hôn vào đầu năm 2025 chúng tôi vẫn sống ly thân, mỗi người một nơi, việc ai người đó làm, không quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, đời sống hôn nhân không thể duy trì được, đã trầm trọng nên tôi đề nghị Toà án cho tôi được ly hôn với bà Bùi Thị V.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Đặng Tiến D, sinh ngày 22/01/2011 và Đặng Thanh M, sinh ngày 08/02/2016.

Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và nếu được nuôi cả hai con thì tôi không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

Nếu bà V có nguyện vọng nuôi cả hai con thì tôi đồng ý để bà V nuôi cả hai con, tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/tháng cho cả hai con.

Hiện nay, tôi và bà V không có thai chung.

Về tài sản chung và nhà đất ở chung: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Bùi Thị V nhưng bà V không đến Tòa án để ghi lời khai, không giao nộp, không cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo của Tòa án.

Tòa án tiến hành xác minh mâu thuẫn của ông bà tại địa phương, tổ trưởng tổ dân phố cho biết: tổ dân phố không nắm được mâu thuẫn của vợ chồng ông S bà V do quá trình sinh sống tại địa phương vợ chồng ông S bà V không xảy ra cãi vã hay to tiếng để tổ dân phố phải hòa giải. Nay ông S có đơn xin ly hôn với bà V đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Nguyên đơn ông Đặng Ngọc S trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Bùi Thị V.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Đặng Tiến D, sinh ngày 22/01/2011 và Đặng Thanh M, sinh ngày 08/02/2016.

Ông có nguyện vọng được nuôi cả hai con, nhưng do hiện nay con đang ở cùng với mẹ là bà Bùi Thị V, và cả hai con đều có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng với mẹ. Tôn trọng nguyện vọng của con và cũng để con không bị xáo trộn cuộc sống ông đồng ý để bà V trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng/tháng cho cả hai con.

- Về tài sản chung, nhà đất ở chung và nợ chung: Ông S khai ông bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Bùi Thị V tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa không có lý do:

- *Đại diện VKSND Khu vực 3 – TP Hà Nội tham gia phiên tòa*, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và việc tuân theo pháp luật của các đương sự; Đồng thời đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

+ Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện việc giao thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự, tiến hành các bước tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn bà Bùi Thị V không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có ý kiến của bà V và tiến hành xét xử vắng mặt bà là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

+ Tại phiên tòa, HĐXX đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng.

+ Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các thông báo, giấy báo của Tòa án. Bị đơn không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không tham gia phiên tòa là vi phạm quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Đặng Ngọc S xin ly hôn với bà Bùi Thị V. Bà V không đến Tòa trình bày ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đặng Ngọc S. Cho ông Đặng Ngọc S được ly hôn bà Bùi Thị V.

Về con chung: Ông S xác nhận ông bà có 02 con chung là Đặng Tiến D, sinh ngày 22/01/2011 và Đặng Thanh M, sinh ngày 08/02/2016.

Về yêu cầu xin nuôi con của ông S: Do hiện nay cả hai con chung đang ở cùng bà V và cùng có nguyện vọng được ở với mẹ. Ông S tôn trọng nguyện vọng của con và đồng ý để bà V nuôi cả hai con. Vì vậy, đề nghị HĐXX giao cả hai con chung là Đặng Tiến D và Đặng Thanh M cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông S, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000đ/tháng cho cả hai con.

Về tài sản chung, nhà đất ở chung và nợ chung: Ông S trình bày ông bà không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Ông Đặng Ngọc S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bà V và ông S có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa. Sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng: Ông Đặng Ngọc S xin ly hôn với bà Bùi Thị V. Bà V có hộ khẩu thường trú và hiện ở tại tổ B B, phường H, thành phố Hà Nội. Vì vậy, yêu cầu của ông S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Hà Nội theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

{2} Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Đặng Ngọc S: Tài liệu trong hồ sơ thể hiện ông Đặng Ngọc S và bà Bùi Thị V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2011 ngày 09/02/2011. Do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của ông S cũng như các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng ông bà là do bất đồng quan điểm và không có tiếng nói chung. Ông bà đã không còn quan tâm chăm sóc nhau mà mỗi người ở một nơi, mỗi người một cuộc sống. Tháng 01 năm 2025 ông S đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay ông S xin ly hôn, bà V không đến Tòa án để trình bày quan điểm, nguyện vọng, không đến tham gia các buổi làm việc, hòa giải tại Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông S, bà V đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đặng Ngọc S. Cho ông Đặng Ngọc S được ly hôn với bà Bùi Thị V.

{3} Về con chung: Căn cứ lời khai của ông S và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định ông S và bà V có 02 con chung là Đặng Tiến D, sinh ngày 22/01/2011 và Đặng Thanh M, sinh ngày 08/02/2016.

Quá trình giải quyết vụ án ông S có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung nhưng cũng đồng ý để bà V nuôi cả hai con nếu bà V có nguyện vọng nuôi con. Tại phiên tòa, ông S đề nghị HĐXX giao cả hai con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng do hiện nay hai con đang sống cùng với mẹ, cả hai con đều có nguyện vọng

được tiếp tục ở cùng với mẹ và ông tôn trọng nguyện vọng của con. Hội đồng xét xử thấy, thực tế từ khi ông S bà V sống ly thân đến nay hai cháu Tiến D và Thanh M luôn ở cùng bà Bùi Thị V, mặc dù bà V không đến Tòa án để trình bày quan điểm nhưng vẫn luôn là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung từ khi ông bà sống ly thân; ông S đồng ý để bà V nuôi cả hai con, cả hai cháu Tiến D và Thanh M đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển ổn định về tâm lý cũng như học tập và tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của con chung, HĐXX thấy cần giao hai con chung là Đặng Tiến D và Đặng Thanh M cho bà Bùi Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Đặng Ngọc S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/tháng cho cả hai con nên ghi nhận sự tự nguyện của ông S.

{4} Về tài sản chung, nhà đất ở chung và nợ chung: Ông S trình bày ông bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

{5} Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm 1.1 khoản 1 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án: Ông Đặng Ngọc S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

{5} Về quyền kháng cáo: Ông Đặng Ngọc S và bà Bùi Thị V có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ: Điều 28; Điều 35; Điều 39; Khoản 1, khoản 2 Điều 87; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm 1.1 khoản 1 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đặng Ngọc S. Cho ông Đặng Ngọc S ly hôn với bà Bùi Thị V.

Về con chung: Xác nhận ông Đặng Ngọc S và bà Bùi Thị V có 02 con chung là Đặng Tiến D, sinh ngày 22/01/2011 và Đặng Thanh M, sinh ngày 08/02/2016.

Giao cháu Đặng Tiến D và Đặng Thanh M cho bà Bùi Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đặng Ngọc S tự nguyện cấp dưỡng nuôi cả hai con chung là 4.000.000 đông/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Ông S có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nhà đất ở chung, nợ chung: Ông S trình bày ông bà không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

Về án phí: Ông Đặng Ngọc S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận ông S đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0019237 ngày 09/12/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hà Nội. Ông S còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đặng Ngọc S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Bùi Thị V có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Việt Anh

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 3 – Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Hà Nội;
- UBND phường nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.